TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/01/2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thành Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Huy Hà

2. Ông Phạm Mạnh Biện

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Hùng Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 17/2017/TLST - HNGĐ ngày 13/11/2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 16/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969 (có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Minh N, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: T 1, Khu phố HP, phường HC, thị xã BL, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 07/11/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà M và ông N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995 đến ngày 23/6/2003 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Tân, thị xã Tân An, tỉnh Long An (Nay thuộc thành phố Tân An, tỉnh Long An). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông N thường xuyên uống rượu, say xỉn về nhà gây gỗ và đánh bà M. Từ năm 2014 bà M và ông N sống ly thân với nhau.

Nay bà Mão yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bình Long giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Minh N.

Về con chung: Quá trình chung sống ông, bà có 03 con chung, sau khi ly hôn bà M yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thanh P, sinh ngày 02/02/2001, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Đối với Trần Thị Mộng H, sinh năm 1996; Trần Thị Mộng Tr, sinh năm 1998 hiện nay đã trưởng thành tự lao động

được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/12/2017 Bị đơn ông Trần Minh N trình bày:

Ông N thống nhất với bà M về quan hệ hôn nhân, về con chung. Ông cũng thừa nhận ông thường xuyên uống rượu với bạn bè, mỗi khi uống rượu với bạn bè ông và bà M xảy ra cãi cọ to tiếng, bất đồng quan điểm với nhau. Nay bà M xin ly hôn, ông N không đồng ý vì còn thương vợ con.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên: Trần Thị Mộng H, sinh năm 1996; Trần Thị Mộng Tr, sinh năm 1998 và Trần Thanh P, sinh ngày 02/02/2001. Nếu Tòa án giải quyết cho bà M ly hôn với ông thì con chung Nguyễn Thanh P muốn sống ai tùy cháu quyết định. Đối với Trần Thị Mộng H, Trần Thị Mộng Tr, hiện nay đã trưởng thành tự lao động được, ông N không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông N không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Quan điểm của đại diện việm kiểm sát:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thu lý vụ án tới nay, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên Tòa Sơ thẩm.Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Căn cứ theo Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M; về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao con chung tên Trần Thanh P, sinh ngày 02/02/2001 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long theo điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Minh N vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt lý do bận công việc, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông N tự nguyên chung sống với nhau từ năm 1995 đến ngày 23/6/2003 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã Bình Tân, thị xã Tân An, tỉnh Long An (Nay thuộc thành phố Tân An, tỉnh Long An). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông N thường xuyên uống rượu, say xỉn về nhà gây gỗ và đánh bà M. Từ năm 2014, bà Mão và ông N sống ly thân với nhau, bà M ra ngoài thuê nhà trọ sống ly thân đến nay. Nay bà M yêu cầu xin ly hôn với ông N nhưng ông N không đồng ý vì ông còn thương vợ con. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Trần Minh N.

[3] Về con chung**:** Bà M và ông N có 03 người con chung, sau khi ly hôn bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thanh P, sinh ngày 02/02/2001, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai 28/11/2017 của Trần Thanh P trình bày *"Sau khi ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được sống với mẹ vì từ lúc mẹ cháu sống ly thân với cha cháu thì cháu sống cùng với mẹ cháu đến nay"*, xét theo nguyện vọng của cháu P, để đảm bảo sự ổn định và phát triển mọi mặt cho cháu nên giao cháu Trần Thanh P cho bà M nuôi dưỡng là phù hợp. Bà M không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Trần Thị Mộng H, sinh năm 1996; Trần Thị Mộng Tr, sinh năm 1998. Hiện nay đã trưởng thành tự lao động được, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung**:** Bà M, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí**:** Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị M.

Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Trần Minh N.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng con tên Trần Thanh P, sinh ngày 02/02/2001 đến khi trưởng thành, tự lao động được. Bà M không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Minh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Không ai có quyền cản trở.

- Về Án phí : Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003925 ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Bình Long;
- Chi cục THADS thị xã Bình Long;
- UBND xã Bình Tân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thành Đức